

Những vấn đề cơ bản về chứng khoán và TTCK

Hệ thống đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán CK

Mục đích của bài

- Vấn đề cơ bản
- Vai trò, chức năng
- Mối quan hệ của HT lưu ký, bù trừ, TT và đăng ký với HTGD

Mục tiêu

- Khái niệm
- Kiến thức cơ bản
- Các bộ phận cấu thành
- Mọi quan hệ giữa các bp

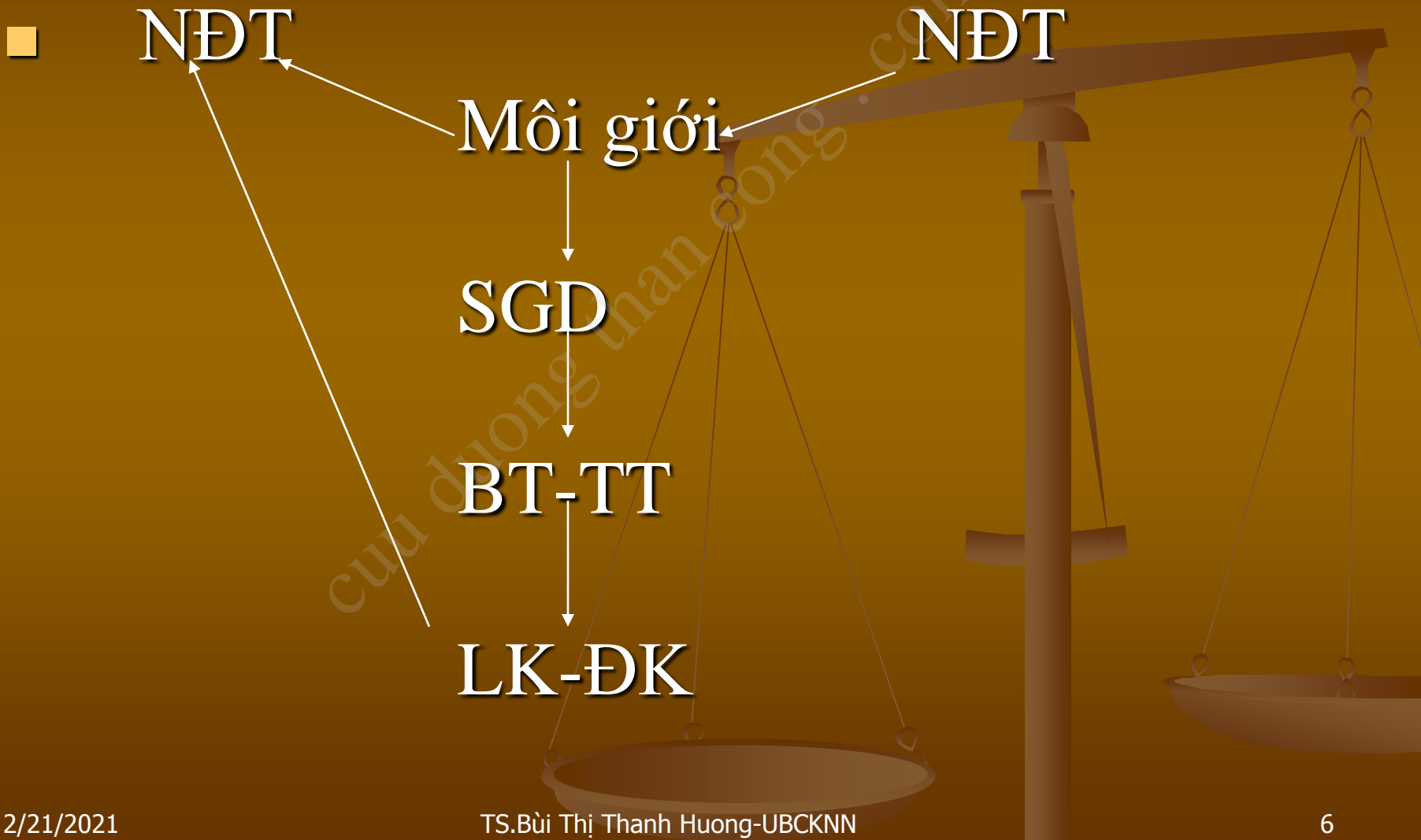
Mục tiêu của quá trình

- Sự cần thiết
- Vai trò
- Đặc điểm HT, bộ phận cấu thành HT
- Chức năng, vai trò của các tiểu HT

Nội dung

1. Vai trò của HT LK-BT-TT-ĐK
2. Khái niệm và chức năng
3. Các bộ phận cấu thành
4. Mối quan hệ giữa các bp
5. Phân loại HT lưu ký
6. Mô hình bù trừ - TT, đkỷ, lưu ký
7. Quy trình đkỷ, lưu ký

1. Sơ đồ GD



Vai trò

- Hoàn tất GDCK
- Công bằng/huả
- Tăng vòng quay vốn
- Giảm rro hđ của TTCK
- Theo dõi DSCĐ
- Qlý hđ TTCK (% nắm giữ CK, CK giả/mất cấp/ko có GT lưu hành...)

Vai trò đối với NĐT

- Giảm chi phí GD
- Cấp GCN quyền SH
- Qlý tập trung CK => gửi sao kê TK
- NĐT rút CK/qua HT cổ CK để vay NHTM
- Giúp nhận cổ tức/CP thưởng/vốn gốc/ lãi TP, quyền khác

2. Khái niệm, chức năng, yếu tố tác động

2.1. Khái niệm

HT gồm:

- + Trang thiết bị
- + Con người
- + Các quy định

2.1. Khái niệm

- Hệ lưu ký : lưu giữ, bảo quản CK, giúp t.h q`
- Hệ bù trừ: xử lý ttin GDCK => net phải trả
- Hệ toán: chuyển tiền/CK
- Hệ đkỷ: ghi ttin về CK và q` SHCK

2.2. Chức năng chính

- Nhận & qly CK
- Cấp ttin CK giả/mất cấp...
- Ph.phối cổ tức = tiền, trả gốc-lãi TP
- TToán tiền/CK
- Cập nhật ttin NSH
- Qly ttin về q` CSH
- Qly % SHCK
- Cầm cố CK

2.3 Yếu tố tác động đến PT HT LK, BT-TT, ĐKCK

- MT pháp lý
- Sự PT TTCK
- Đ/k VC-kỹ thuật, con người
- Yếu tố tâm lý

3. Bộ phận cấu thành

- HT lưu ký CK
- HT BT - toán GDCK
- HT đk ký CK

3.1. HT lưu ký

- Khái niệm
- Sự PT HT
- Chức năng

cuuduongthancong.com

3.1.1. Khái niệm

■ *Lưu ký:*

- + nhận, bảo quản CK
- + giúp thực hiện q`

3.1.2. Sự phát triển HT LK

a/ CSH tự qly CK

b/ Nhiều tổ chức nhận, bảo quản, giao CK

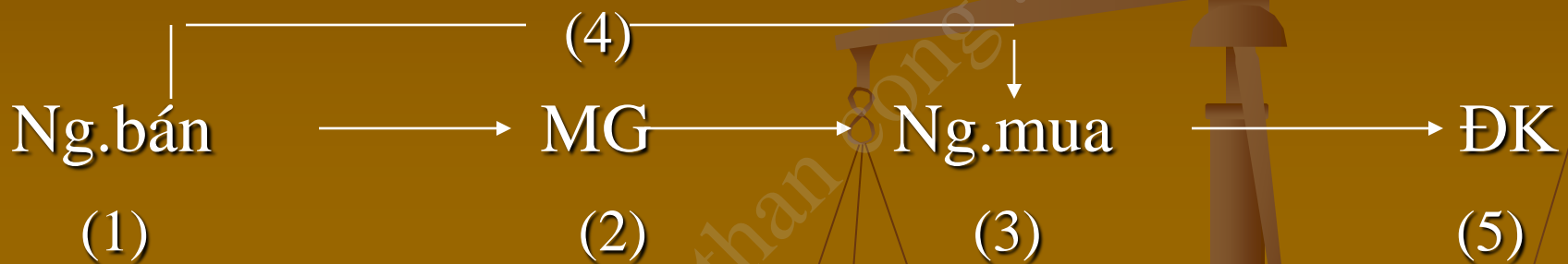
c/ TCTG chuyên nhận gửi, qly CK

d/ HT nhận LK chung

3.1.2. Sự phát triển của HTLK

a/ Chủ SH tự q.ly CK

■ bán CK



- (1) Ng.bán nhờ MG tìm ng.mua
- (2) MG tìm ng.mua
- (3) MG thỏa thuận giá /SL
- (4) Ng.bán giao CK cho ng.mua & ký hậu
- (5) Ng.mua đến TCĐK chuyển q` SH

a/ CSH tự qlyCK (tiếp)

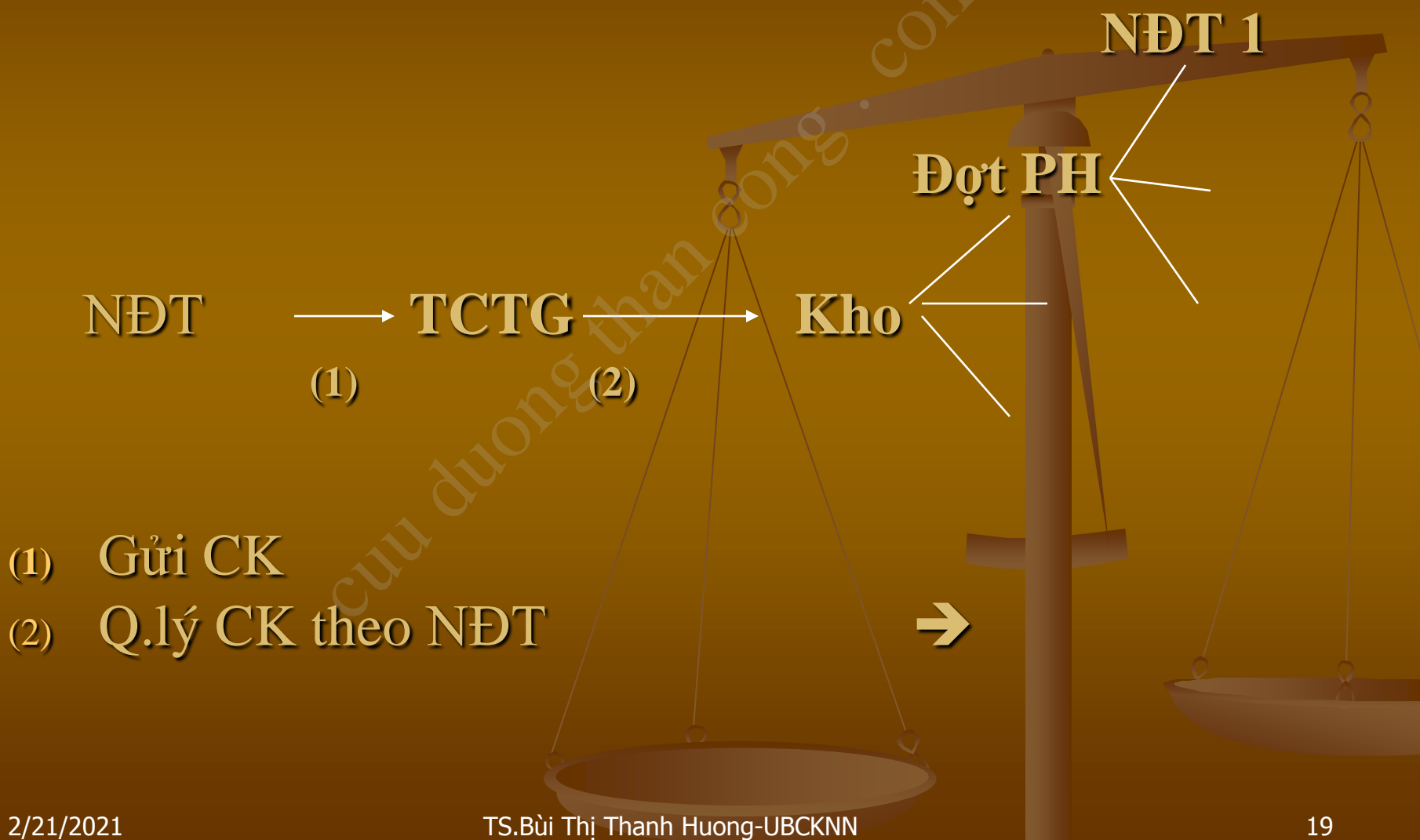
Đặc điểm

- + Tờ CP, TP
- + NĐT tự q.ly
- + M-B qua MG
- + Ng.bán CK giao CK cho ng.mua

Nhược

- Rủi ro CK bị đánh cắp/hỏng/giả...
- Kh.lượng GD tăng => giao nhận CK khó khăn, tốn kém

b/ Nhiều tổ chức nhận, qly CK



b/ Nhiều tổ chức nhận, qly CK (tiếp)

Đặc điểm

- CK VC
- Nhiều TC chuyên nhận/bảo quản
- CK cất giữ theo NĐT

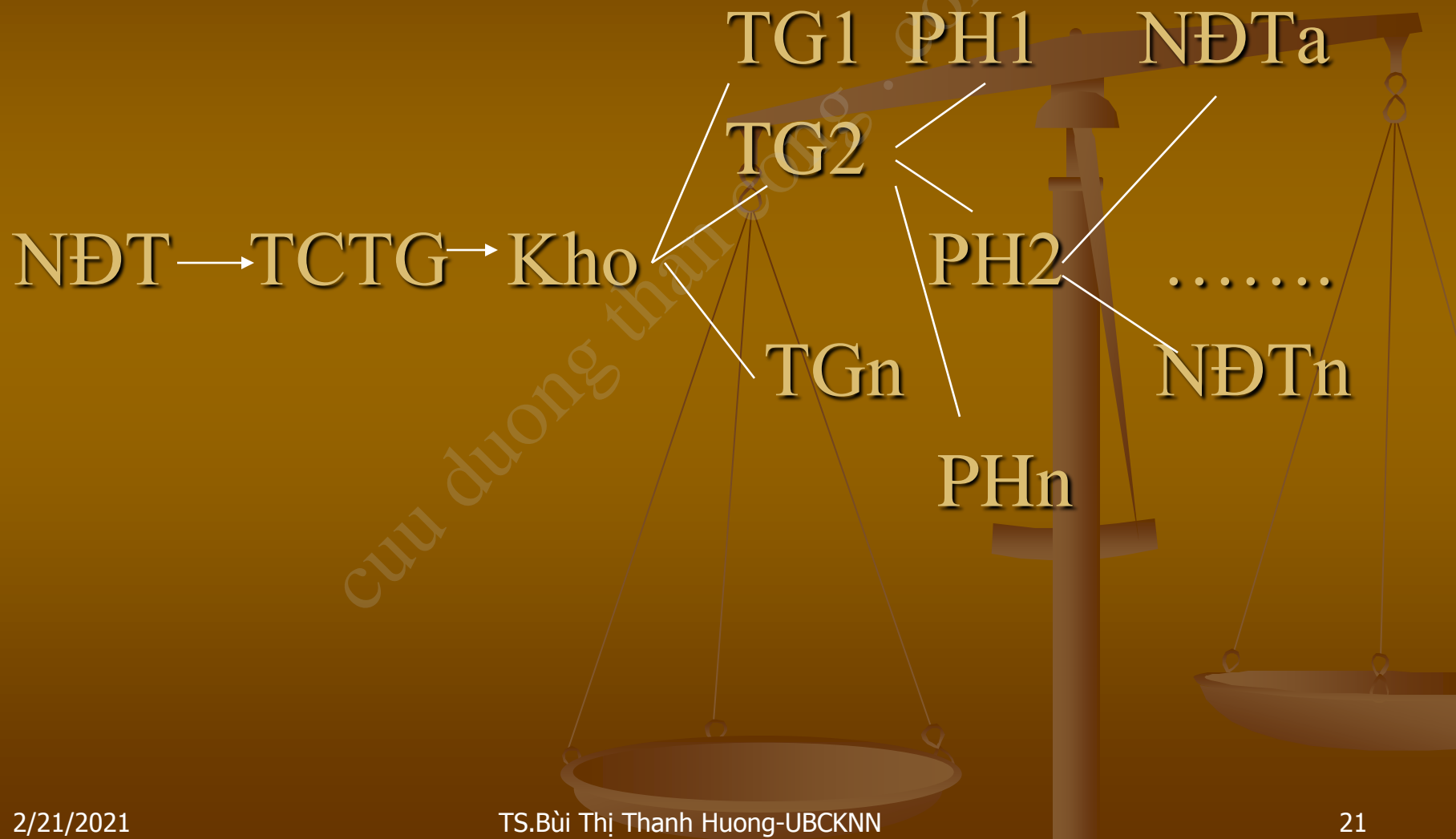
■ *Ưu:*

- Tránh bị đánh cắp/làm giả, t.gian giao/nhận giảm

Nhược

- Chi phí cao
- Th.gian ttoán dài

c/ TCTG nhận, qly CK theo NĐT & toán



c/ TCTG nhận, qly CK theo tên NĐT và ttoán GD (tiếp)

Đặc điểm

- CK q.ly tập trung theo TCTG
- CKVC
- TToán GD => chuyển CK từ ngân TCTG này sang ngân của TCTG khác

c/ TCTG nhận, qly và ttoán GDCK (tiếp)

- *Giống a/ và b/:*

- + CKVC

- *Khác a/ và b/:*

- + CK cất giữ tại 1 nơi

- + CK cất giữ theo từng TCTG

- + Trg mỗi ngăn của TCTG, CK cất giữ theo đợt PH

- + Trg mỗi đợt PH, CK cất giữ theo tên NĐT

c/ TCTG nhận, qly và ttoán GDCK (tiếp)

Điểm giao CK

- NĐT bán CK => Lệnh cho TTLK trả CK cho ng.mua
- TTLK tìm CK của ng.bán (ký hậu) chuyển cho ng.mua
- Ng.mua khi nhận CK phải ký hậu và gửi vào ngân của mình

c/ TCTG nhận, qly và ttoán GDCK (tiếp)

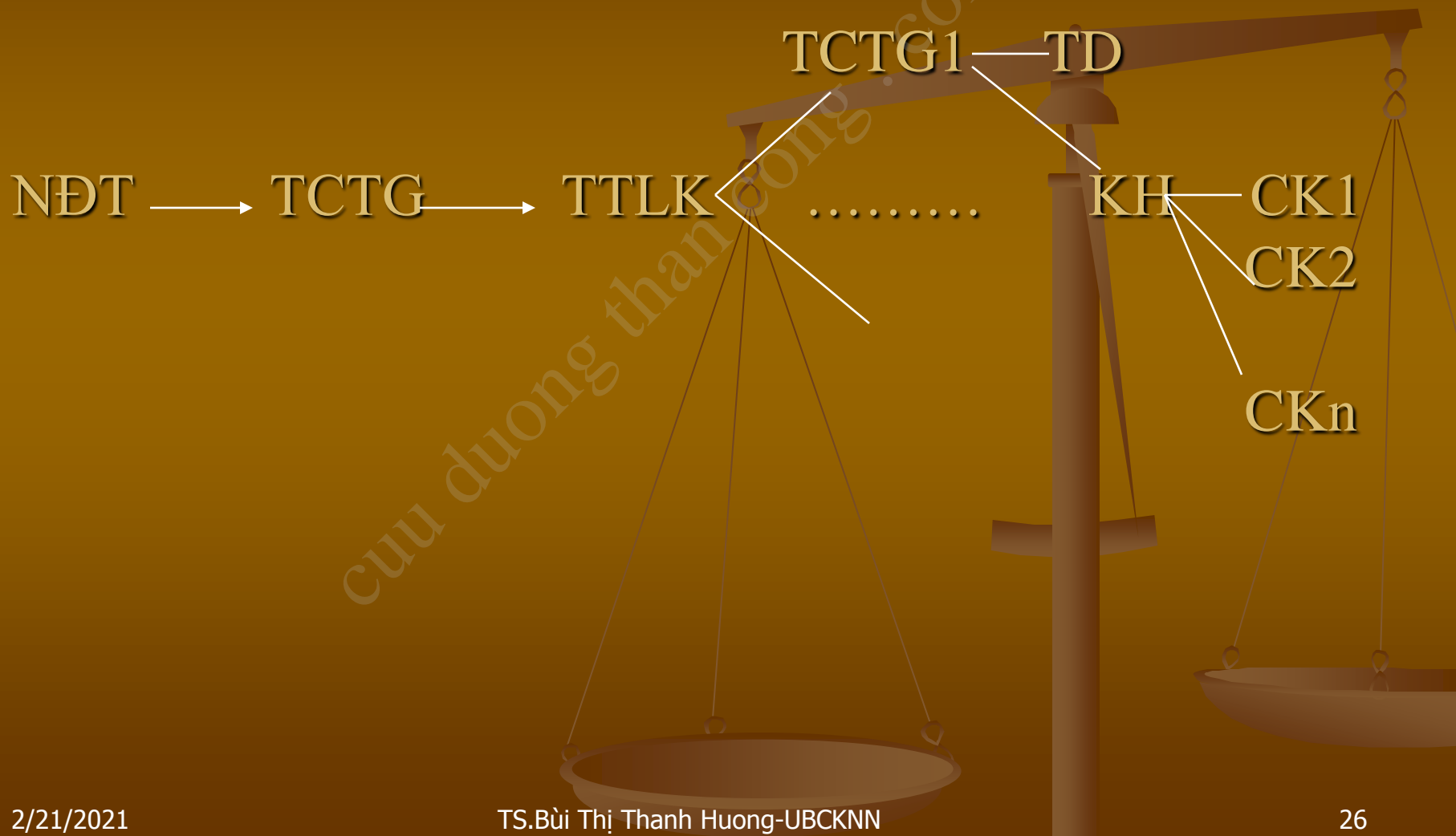
Ưu:

- Rút ngắn th.gian giao/nhận CK so với b/

Nhược:

- Chi phí qly/XD kho...
- Giao CKVC
- Mất th.gian & tổn nhân lực kiểm đếm

d/ HT lưu ký chung



d/ HT lưu ký chung (tiếp)

Đặc điểm:

- CK ko lưu giữ riêng theo tên NĐT
- Qlý qua TK: NĐT mở TK tại TCTG hoặc mở trực tiếp tại TTLK

■ *Gián tiếp (2 cấp)*

NĐT → TCTG → TTLK

■ *Trực tiếp (1 cấp)*

NĐT → TTLK

d/ HT lưu ký chung (tiếp)

Điều kiện thực hiện:

- CSH cam kết nhận CK cùng loại, có GT tương đương của cùng đợt PH
- CSH đồng SHCK lưu ký chung

3.1.3. Chức năng của HTLK

- Nhận CK:
 - + CK lưu ký tập trung
 - + CKVC
- Q.lý CK trg kho/TK
- Nhận chuyển khoản, giao CK

Ưu điểm lưu ký chung

- Qlý và chuyển giao CK nhanh, an toàn, hqủa:
 - + Giảm chtừ
 - + Giảm rro HT khi giao CK
 - + Giảm rro đối tác = chuyển q` SH kịp thời, đúng hạn
 - + Dễ xử lý CK giả/mất cắp
- Tạo đ.k PVC
- Tạo đ.k chuyển khoản

Ưu điểm lưu ký chung (tiếp)

- Tiết kiệm chi phí nhân lực, cất giữ, in ấn...
- Q.lý ttin về CK & NSHCK trên TK
- Giúp th.hiện q`/nghĩa vụ...

3.2. HT bù trừ - toán

- Khái niệm
- Chức năng
- Các phthức toán

cuu duong than cong . com



3.2.1. Khái niệm

- HT BT-TT CK : HT chuyển tiền và HT chuyển CK để hoàn tất GD CK
- *Bù trừ* - khớp GDCK cùng loại, cùng ngày ttoán → tìm số chênh lệch cuối cùng các bên thực phải trả
- *Thanh toán* - chuyển tiền, CK

3.2.2. Chức năng

- Đối chiếu chi tiết GD giữa các bên đối tác
- Bù trừ tiền, CK
- Chuyển tiền và CK
- GS đảm bảo tiền/CK toán đủ và đúng hạn
- Ưu:
 - + Giảm chi phí GDCK
 - + Giảm rro và chi phí cho chủ SHCK

Hai giai đoạn

- GĐ bù trừ
- GĐ toán

cuu duong than cong . com

Giai đoạn bù trừ

- **Bước 1:** Đối chiếu, xác nhận GD, đưa ra kq bù trừ GD và in chitừ toán
 - + *Đối chiếu* GD là ktra Ttin về GD
 - + *Xác nhận* GD là 1 bên tham gia GD đưa ra b.cáo GD và bên kia ktra và xác nhận lại GD
- **Bước 2:**
 - + *Bù trừ* - khớp GDCK cùng loại, cùng ngày toán => tìm net các bên phải trả

Giai đoạn t.toán

- TToán là bước cuối trg 1 GD, đó là trả tiền/giao CK
- Ba phthức ttoán:
 - + TToán từng GD
 - + Bù trừ song phương
 - + Bù trừ đa phương

Ví dụ: Kq M-B

- (1) A bán \Rightarrow B 100 CP giá 18.000đ/CP
- (2) A mua \Leftarrow B 200 CP giá 18.100đ/CP
- (3) A bán \Rightarrow C 100 CP giá 18.100đ/CP
- (4) A mua \Leftarrow C 200 CP giá 18.000đ/CP
- (5) A bán \Rightarrow D 200 CP giá 18.100đ/CP

*TT*oán tưng gd

Sơ đồ

		(nghìn đồng)		
		SL	giá	Trả-/nhận+
A	→	B -100	18,0	+1.800
A	←	B +200	18,1	-3,620
A	→	C -100	18,1	+1,810
A	←	C +200	18,0	-3,600
A	→	D -200	18,1	+3,620

TToán từng GD (tiếp)

■ *Đặc điểm*

- Số lần ttoán GD là : 5 lần
- Số CP giao-nhận là: 800 CP
- Số tiền A trả-nhận : 14.450.000 đ

Thanh toán từng giao dịch (tiếp)

Ưu

- 1 GD ko ttoán => GD khác hoàn tất

Nhược :

- KNTC mạnh (KNăng vay NH) để ttoán các GD cùng ngày ttoán
- Ko có tổ chức chịu tr.nhiệm hoàn tất GD

Bù trừ song phương

Khái niệm:

- **Bù trừ song phương** là phthức ttoán trg đó tất cả GD CK cùng loại đã khớp trg cùng ngày GD giữa các cặp đối tác được bù trừ đưa ra số tiền/CK mỗi bên thực phải trả

Bù trừ song phương (tiếp)

Sơ đồ

Sơ đồ

(nghìn đồng)

		SL	Giá	Trả-/nhận+	
A	→	B	-100	18,0	+1.800
A	←	B	+200	18,1	-3,620
		+100	*	-1,820	
A	→	C	-100	18,1	+1,810
A	←	C	+200	18,0	-3,600
		+100	*	-1,790	
A	→	D	-200	18,1	+3,620

Bù trừ song phương (tiếp)

- Số lần thanh toán GD: 3 lần
- Số cổ phiếu A phải trả/nhận:

$$100 + 100 + 200 = 400 \text{ cp}$$

- Số tiền A phải trả/nhận:

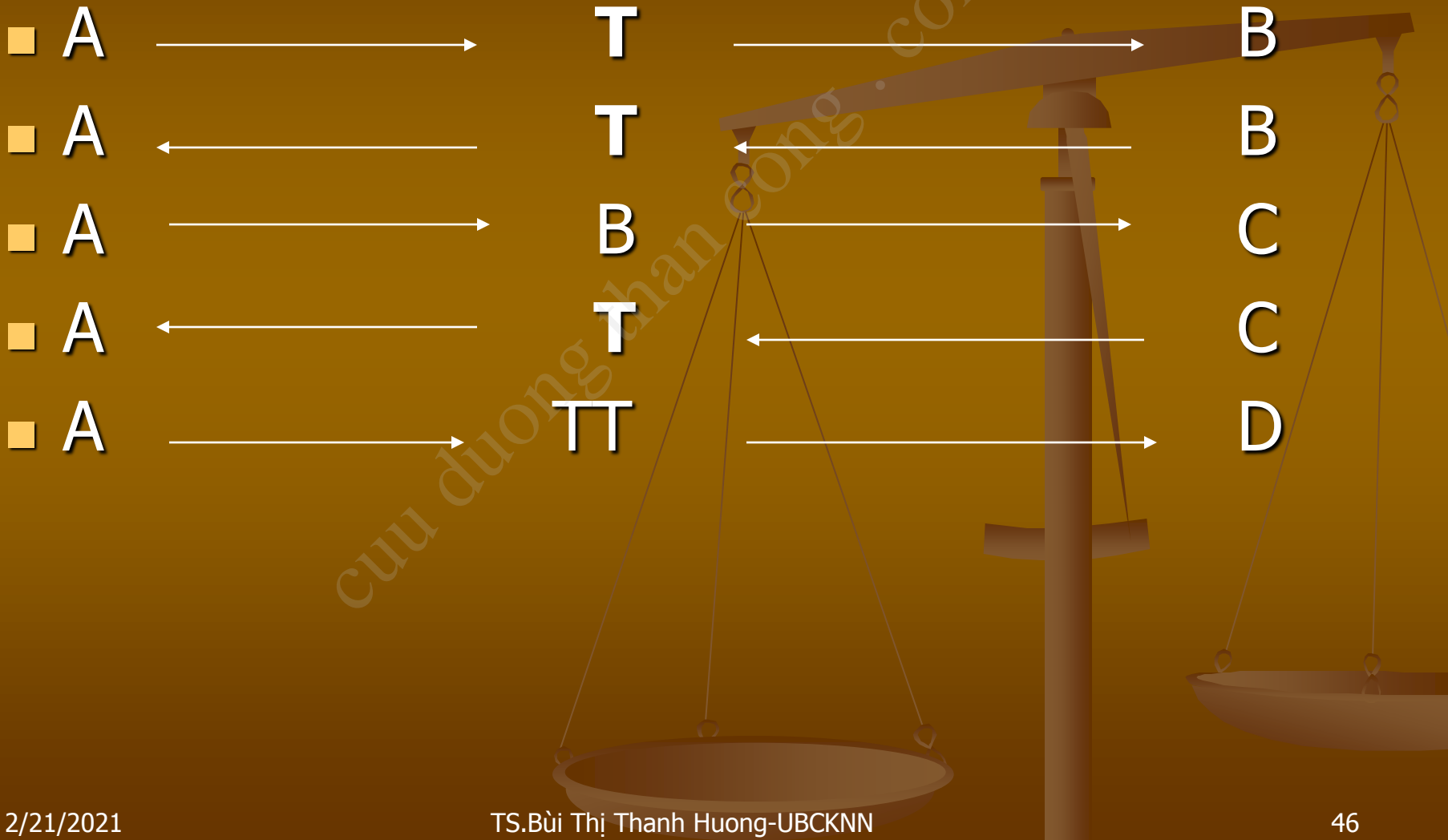
$$1.820.000 \text{ đ} + 1.790.000 \text{ đ} + 3.620.000 \text{ đ} = 7.230.000 \text{ đ}$$

Bù trừ đa phương

Khái niệm

- Bù trừ đa phương là phthức ttoán trg đó GD CK cùng loại trg cùng ngày GD giữa nhiều đối tác được bù trừ để tìm ra số tiền/CK thực phải trả của mỗi bên

Bù trừ đa phương (tiếp)



Bù trừ đa phương (tiếp)

A	Lượng CK	Đơn giá (nghìn đ)	Trả-/nhận+ (nghìn đ)	Đối tác
Bán	-100	18,0	+1.800	B
Mua	+200	18,1	-3.620	B
Bán	-100	18,1	+1.810	C
Mua	+200	18,0	-3.600	C
Bán	-200	18,1	+3.620	D
Net	0		+10	

Bù trừ đa phương (tiếp)



■ Lần toán : 1

■ Net CP :

$$+100 - 200 + 100 - 200 + 200 = 0$$

■ Net tiền :

$$+1.800.000 - 3.620.000 + 1.810.000 - 3.600.000 + 3.620.000 = +10.000(\text{đ})$$

Bù trừ đa phương (tiếp)

Ưu điểm:

- Giảm CK giao/nhận, giảm tiền toán
- Giảm rro
- Tăng lượng CK GD

GD chỉ hoàn tất khi

- a/ Tờ CK giao cho ng.mua, or
- b/ CK chuyển qua TK

Bài tập 1: điều kiện

■ Kq GD:

1) CP XYZ: Giá

* A:

+ Mua

+ Bán

* B:

+ Mua

+ Mua

+ Bán

10.000đ/1cp

1200cp xyz

200cp xyz

600cp xyz

200cp xyz

300cp xyz

Bài tập 1: điều kiện (tiếp)

* C:

+ Bán

+ Bán

2) CP MNF : Giá

* A:

+ Mua

+ Bán

1200cp xyz

300cp xyz

20.000đ/1cp

300cp mnf

100 cp mnf →

Bài tập 1: điều kiện (tiếp)

* B:

+ Bán

+ Bán

* C

+ Mua

+ Bán

150cp mnf

150cp mnf

200cp mnf

100cp mnf

Bài tập 1: Hỏi

- Phức BT đa phg => tiền/CK mỗi CtyCK thực trả là bao nhiêu?

Giải bài 1: TToán CK

1) CP XYZ

A nhận + 1000cp xyz

B nhận + 500cp xyz

C trả - 1500cp xyz

2) CP MNF

A nhận + 200cp mnf

B trả - 300cp mnf

C nhận + 100cp mnf

Giải bài 1: 3) Bù trừ tiền

* A trả (-)

$$(-1000xyz \times 10.000 \text{ đ} - 200mnf \times 20.000 \text{ đ}) = -14.000.000 \text{ đ}$$

* B nhận (+)

$$(-500xyz \times 10.000 \text{ đ} + 300mnf \times 20.000 \text{ đ}) = +1.000.000 \text{ đ}$$

* C nhận

$$(1500xyz \times 10.000 \text{ đ} - 200mnf \times 20.000 \text{ đ}) = +13.000.000 \text{ đ}$$

Rủi ro toán

- Rủi ro HT
- Rủi ro đối tác

cuu duong than cong . com

Biện pháp qly rro

(1) Lập Quỹ HTTT

- Mua CK
- Hỗ trợ TV mất KN toán
 - + Sử dụng tiền TV vi phạm
 - + Sử dụng TN Cty BT-TT
 - + Sử dụng tiền TV khác

(2) Nguồn tài trợ khác

Biện pháp quản lý rro (tiếp)

(2) Nguồn tài trợ khác

- TV đặt cọc tiền/CK
- Giới hạn vị thế (tính theo GD, BT song phg, or BT đa phg)
- Buộc thế chấp TS thkhảo cao
- Hạn mức tín dụng NH (NH cam kết cho vay)
- Huy động vốn từ TV khác

Bài tập 2: điều kiện

- Có 6 TVLK: 3 CtyCK , 3 NHLK
- Năm đầu: QHTTT hình thành từ vốn góp ban đầu của các TVLK, ko có phần góp theo doanh số GD
- Năm đầu qui định góp vốn vào QHTTT:
+ 1 TVLK góp 120 triệu đ

Bài tập 2: điều kiện

- Kquả bù trừ:
 - + C phải trả 180 triệu đ
 - + TK của C có 20 triệu đ
 - + Dùng Quỹ ttoán thay C
 - + C dùng QHTTT trong 8 ngày, ngày thứ 9 trả vốn vay và lãi phạt

Bài tập 2: điều kiện

Biết dùng QHTTT :

- (1) Dùng phần vốn góp TVLK vi phạm
- (2) Dùng phần vốn góp TVLK khác = %
- (3) Lãi phạt : 1% /ngày - 5 ngày đầu, 6%/ ngày – từ ngày 6

Bài tập 2: Hỏi

Hãy cho biết

1. Số tiền sử dụng của từng TVLK?
2. Lãi phạt phải trả cho mỗi TVLK 5 ngày đầu?
3. Lãi phạt phải trả cho mỗi TVLK 3 ngày sau?

Giải bài tập 2

Câu 1

* QHTTT

$$120 \text{ tr.đ} \times 6 \text{ TVLK} = 720 \text{ tr.đ}$$

• C thiếu

$$180 \text{ tr.đ} - 20 \text{ triệu đ} = 160 \text{ triệu đ}$$

* Sử dụng QHTTT

- Tiền của TVLK vi phạm 120 triệu đ

Giải bài tập 2: câu 1

* QHTTT còn

$$720 \text{ tr.đ} - 120 \text{ tr.đ} = 600 \text{ triệu đ}$$

+ Trích vốn góp TVLK khác

$$160 \text{ tr.đ} - 120 \text{ tr.đ} = 40 \text{ triệu đ}$$

$$+ \% \text{ Trích 1 TV} = 40 \text{ tr.đ} / 600 \text{ tr.đ} \times 100 = 6,67\%$$

Trích 1 TVLK

$$6,67\% \times 120 \text{ tr.đ} = 8 \text{ triệu đ}$$

Giải bài tập 2: Câu 2

Lãi phạt C trả 5 ngày đầu

$$160 \text{ tr.đ} \times 1\% \times 5 \text{ ngày} = 8 \text{ tr.đ}$$

Hạch toán:

+ Tăng TK C

$$120 \text{ tr.đ} \times 1\% \times 5 \text{ ngày} = 6 \text{ tr.đ}$$

+ Tăng TK TVLK khác

$$8 \text{ tr.đ} \times 1\% \times 5 \text{ ngày} = 0,4 \text{ tr. đ}$$

Giải bài tập 2: câu 3

Lãi phạt C trả từ ngày 6

$$160 \text{ tr.đ} \times 6\% \times 3 \text{ ngày} = 28,8 \text{ tr.đ}$$

Hạch toán :

+ Tăng TK C

$$120 \text{ tr.đ} \times 6\% \times 3 \text{ ngày} = 21,6 \text{ tr.đ}$$

+ Tăng TK của 1 TVLK

$$8 \text{ tr.đ} \times 6\% \times 3 \text{ ngày} = 1,44 \text{ tr.đ}$$

3.3. Hệ thống đăng ký

3.3.1. Khái niệm

3.3.2. Chức năng

cuu duong than cong . com



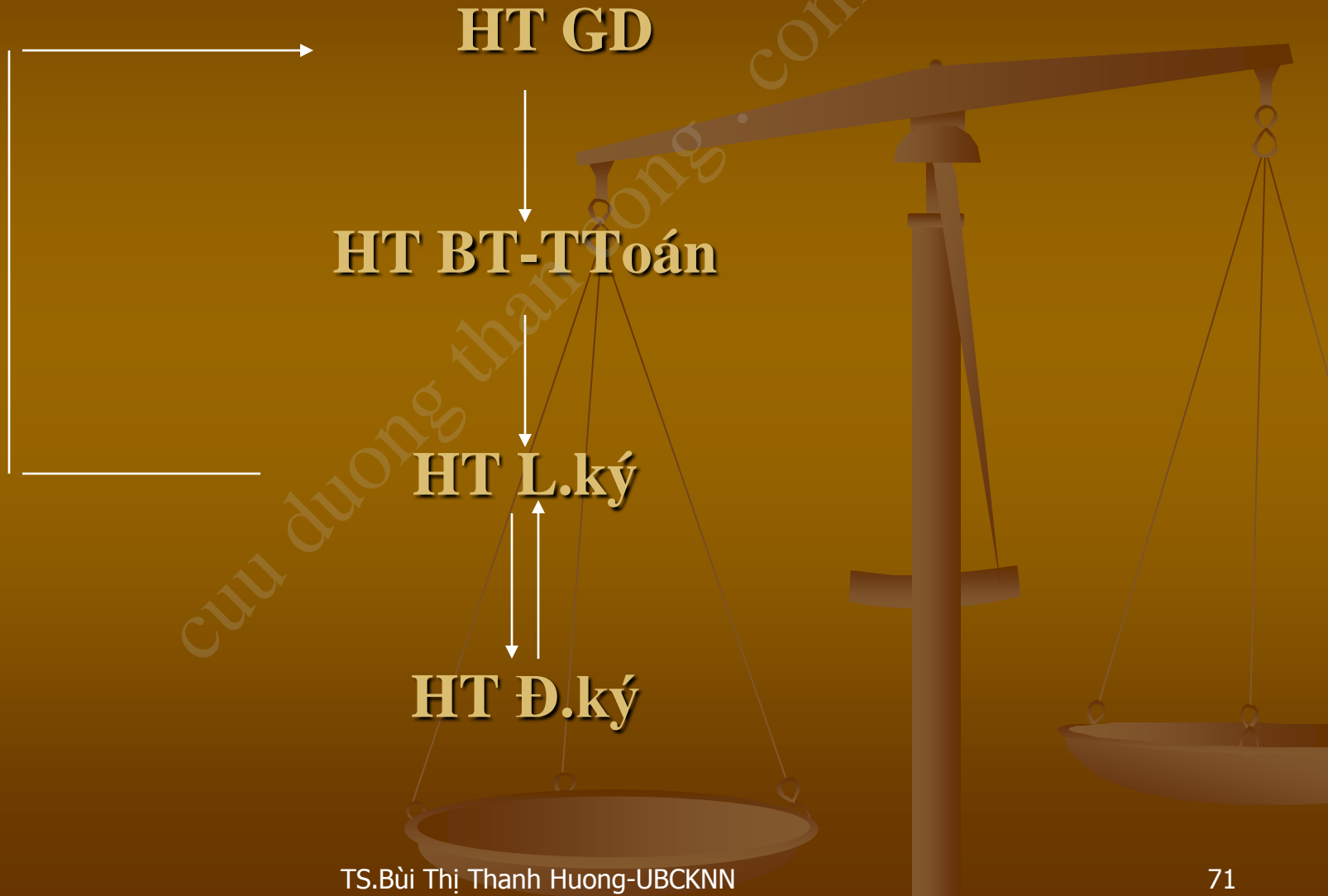
3.3.1. Khái niệm

Đ.ký CK là ghi nhận Ttin CK/q` SH/q` khác & nghĩa vụ lq của NSHCK trg sổ đkỷ

3.3.2. Chức năng

- Qlý TTin về CK của TCPH
- TTin về NSH, theo dõi q`
- Qlý % nắm giữ CK
- GS giới hạn về SHCK: %CĐSL, CĐ lớn, % nước ngoài...
- Giúp NSHCK t.hiện q`

4. Mối quan hệ giữa các hệ thống



Tóm tắt bài

1. Khái niệm, chức năng
2. Vai trò
3. Bp cấu thành
4. Mối qhệ giữa các HT